TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HSST
Ngày: 14/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Síu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thao.

2. Ông Quách Đình Hoằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 14/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 261/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:270/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Tấn V, sinh ngày 23/9/1995 tại Gia Lai; Nơi thường trú: Tổ 2, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở trước khi bị bắt: 04/22/30 L, tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lái xe; Học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân: 064095007206; con ông Phạm Thái Hvà bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 01 lần (Bản án số 93/2016/HSST ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Bản án số 74/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 7 năm tù về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 7 năm 30 tháng tù; ngày 04/9/2022 chấp hành xong án phạt tù); Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/12/2015, Phạm Tấn V có hành vi ném tấm ván gỗ vào người khác. Ngày 12/01/2016, V bị Công an thị xã A xử phạt vi phạm hành chính phạt 1.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 002007 ngày 12/01/2016; ngày 12/01/2016 đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/9/2024 đến ngày 11/9/2024 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lâm Thanh T. Nơi cư trú: Tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Mai Xuân T. Nơi cư trú: Tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Tấn V sử dụng chất ma túy từ khoảng đầu năm 2014. Qua các mối quan hệ xã hội, V có số điện thoại của một đối tượng tên Sơn (không rõ nhân thân, lai lịch) là người có bán ma tuý. Vào khoảng 18 giờ ngày 01/9/2024, V gọi điện thoại cho S hỏi mua ma túy thì Sơn đồng ý và hẹn gặp nhau tại khu vực ngã tư Yên Thế, phường Y thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau đó, V đón xe ôm của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch và biển số xe) chở đi đến điểm hẹn gặp Sơn và mua 01 gói nilon bên trong chứa ma túy loại Methamphetamine với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, V mang về nhà tại số đường L, Tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai rồi cất giấu trong ngăn bàn tại phòng ngủ với mục đích để khi nào cần thì lấy ra sử dụng. Vào lúc 19 giờ 50 phút ngày 02/9/2024, khi V đang ở nhà thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P kiểm tra bắt quả tang, thu giữ vật chứng, gồm: 01 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể (đã được niêm phong theo quy định); 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen kèm thẻ sim.

Tại bản kết luận giám định số 813/KL-KTHS ngày 11/9/2024 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *"Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon trong bì công văn gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 2,5902 gam"* (Bút lục số:28; 31).

Qua xét nghiệm, xác định: Phạm Tấn V dương tính với chất ma tuý loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Phạm Tấn V về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8401 2310 3326 8577).

Tịch thu tiêu huỷ: 01 bì công văn dán kín ghi *"Số 813/PC09 ngày 11 tháng 9 năm 2024"* có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có chữ ký họ và tên Trần Đoàn T, Phan Thanh T, Bùi Sỹ T).

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 02/9/2024 tại nhà số đường L, Tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Phạm Tấn V đã có hành vi tàng trữ trái phép 2,5902 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân; hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân để xét xử theo tội danh và điều luật như Bản cáo trạng viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi của bị cáo, hình phạt, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo: Bị cáo là người sử dụng ma túy, đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi nhưng không chịu học tập, lao động và tu dưỡng bản thân chỉ vì ham muốn cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội

với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma tuý của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn ma tuý của Nhà nước.

Bị cáo đã từng bị kết án (chưa được xóa án tích) về tội phạm cố ý nhưng không tu dưỡng bản thân, lại tiếp tục tàng trữ ma túy để sử dụng, điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về thời hạn phạt tù là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của bị cáo không thu lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4]. Xử lý vật chứng:

Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn dán kín ghi *"Số 813/PC09 ngày 11 tháng 9 năm 2024"* có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có chữ ký họ và tên Trần Đoàn Trí, Phan Thanh Tịnh, Bùi Sỹ Thà) là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành cần tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8401 2310 3326 8577) là tài sản bị cáo dùng liên lạc mua ma túy cần tịch thu sung công.

[5]. Đối với đối tượng tên Sơn là người đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của Sơn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có căn cứ xử lý là phù hợp.

Đối với ông Lâm Thanh T là chủ nhà trọ đường L, tổ 2, phường Thống Nhất, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho bị cáo thuê ở. Ông Tú không biết bị cáo V cất giữ ma túy tại phòng trọ nên không xem xét xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[6]. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Tấn V phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Tấn V 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/9/2024.

4. Các vấn đề khác:

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8401 2310 3326 8577).

Tịch thu tiêu huỷ: 01 bì công văn dán kín ghi *"Số 813/PC09 ngày 11 tháng 9 năm 2024"* có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có chữ ký họ và tên Trần Đoàn T, Phan Thanh T, Bùi Sỹ T).

Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

- *Về án phí:* Buộc bị cáo Phạm Tấn V phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Síu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thao **Quách Đình Hoằng** **Hoàng Thị Síu**

TÒA ÁN[1].....

Bản án số:...../.....[2]/HS-ST
Ngày.....-.....-..... [3]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN..... [4]

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[5]
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....
Thẩm phán: Ông (Bà) .....
Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):
Ông (Bà) .....
Ông (Bà) .....
Ông (Bà) .....
- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)…… [6]

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[7].....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm..... [8] tại……[9]
xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:…/…/TLST-HS ngày…tháng…năm…theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:…/…/QĐXXST-HS ngày…tháng…năm… đối với bị cáo (các bị cáo):

[11] .....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại ..... Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:…….; giới tính:……..; tôn giáo:……..; quốc tịch:…….; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; [12]tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân…….; bị bắt, tạm giam ngày[13].....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:[14]

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là[15].....

- Người bào chữa cho bị cáo:[16].....
……..

- Bị hại:[17].....
……..

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:[18] .....
……..

- *Nguyên đơn dân sự*:[19] .....
……..
- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự*:[20].....
……..
- *Bị đơn dân sự*:[21].....
……..
- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự*:[22] .....
……..
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:[23].....
……..
- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:[24]
.....
……..
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....)*:[25]……...
……..
- *Người tham gia tố tụng khác*:[26]……
……..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:[27]

……
.....
……
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: [28]

[1]……
……..

[2]……..
……
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào[29]……
……...
[30] ....
....
[31] ....
……...

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân

thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)